TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC M** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18/11/2025
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC M – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Ngọc Phi.
2. Ông Đinh Văn Tân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực M-Thành phố Hồ Chí Minh:*** Không tham gia phiên tòa theo Văn bản số 19/CV-VKS ngày 05/11/2025.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/01/1989;

Chứng minh nhân dân số: 271810237, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27/02/2018. Hộ chiếu số: Q00715189 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 21/4/2025.

Hộ khẩu thường trú: tổ C, khu phố M, phường H, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang cư trú tại: 16, Sangieong-go Gwangsan-gu, Hàn Quốc.

Địa chỉ liên hệ: 2C Đường T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1993;

Địa chỉ liên hệ: 2C Đường T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải S, sinh ngày 10/9/1988;

Căn cước công dân số: 077188003510 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/8/2022.

Địa chỉ: Tổ B, thôn S, xã X, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đ có đơn xin vắng mặt, bà S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hải S quen biết, tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2015 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đồng Nai (nay là xã R, tỉnh Đồng Nai) cấp. Quá trình chung sống ban đầu thì hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian chung sống ông và bà S không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng nhiều, không còn tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, xung đột kéo dài, hôn nhân của ông bà rơi vào cảnh trầm trọng. Ông đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ nhưng không được. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Ông và bà S đã chính thức sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Ông đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, bà S đang sinh sống tại Việt Nam.

Ông Đ xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu Toà giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Hải S.

Về con chung và cấp dưỡng: Ông Đ và bà S có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 05/12/2014. Sau khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, ông Đ có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình tố tụng, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hải S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 3/2014. Vào tháng 01/2025 bà và ông Đ đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đồng Nai (nay là xã R, tỉnh Đồng Nai). Vào tháng 6/2015 ông Đ đi xuất khẩu lao động. Khi về nước ông Đ có làm đơn ly hôn với bà nhưng sau đó lại rút đơn.

Vào năm 2024, ông Đ nộp đơn ly hôn với bà lần 2 và sau đó lại rút đơn.

Đến lần này ông Đ nộp đơn xin ly hôn với bà là lần thứ 3, bà cũng không biết vợ chồng bà có mâu thuẫn gì. Sau khi ông Đ đi lao động ở Hàn Quốc thì đề nghị ly hôn với bà. Bà không biết là sai gì, vợ chồng mâu thuẫn gì mà cứ mỗi lần ông Đ đi xuất khẩu lao động là lại muốn ly hôn. Bà S mong muốn ông Đ có mặt tại Tòa án để hai bên nói chuyện. Tuy nhiên, tại phiên Tòa ông Đ không về được và có đơn xin được vắng mặt.

Nay tại phiên tòa bà S đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung và cấp dưỡng: Bà và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 05/12/2014. Sau khi ly hôn ông Đ giao con cho bà nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bà S có nguyện vọng được nhận cấp dưỡng một lần cho đến khi con tròn 18 tuổi số tiền là 430.000.000đồng, vì con bà sinh ra đã ốm yếu, nhiều bệnh tật nên bà muốn nhận tiền cấp dưỡng một lần để có điều kiện lo cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hải S, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ B, thôn S, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực M – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hải S tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đồng Nai (nay là xã R, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2015 ngày 21/01/2015 nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của ông bà được công nhận là hợp pháp.

Quá trình chung sống ông Đ, bà S phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách về thời gian, công việc, thời gian ly thân kéo dài, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Đ, bà S là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà S đồng ý ly hôn với ông Đ, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà S.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 05/2015 ngày 21/01/2015 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đồng Nai (nay là xã R, tỉnh Đồng Nai) xác định ông Đ và bà S có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 05/12/2014. Sau khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao con chung sẽ giao cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành theo quy định của pháp luật. Bà S cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai cháu Long cũng có mong muốn được ở với mẹ do mẹ chăm sóc cháu từ nhỏ. Do đó, việc giao cháu Nguyễn Hoàng Gia L cho bà S chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với mức cấp nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng): Bà S và ông Đ thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000/tháng. Tuy nhiên, bà S đề nghị ông Đ cấp dưỡng một lần đến khi con chung đủ 18 tuổi là 430.000.000đ. Bà S muốn được nhận cấp dưỡng một lần nhằm khắc phục được hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của người được người được cấp dưỡng việc cấp dưỡng.

Việc cấp dưỡng phải đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống của người được cấp dưỡng. Xét thấy mức cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng so với mức sinh hoạt trung bình tại địa phương là phù hợp. Ông Đ là người đang đi xuất khẩu lao động, làm thuê, không đủ khả năng để cấp dưỡng một lần và việc cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần của bà S.

Căn cứ vào Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng của ông Nguyễn Văn Đ.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 82, 84, 116, và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hải S.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị Hải S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 05/12/2014.

Ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Gia L mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008562 ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn Đ còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-11-2025) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực M – TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Nơi ĐKKH: UBND xã R, tỉnh Đồng Nai. (GCNKH số 06/2015 ngày 21/01/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Tình